

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2017/HSPT

Ngày: 26-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bạch Đăng Thi

*Các thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng;
Ông Ong Thân Thắng.*

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký
Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.*

*Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Tùng-
Kiểm sát viên trung cấp.*

Ngày 26/9/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét mở phiên tòa công khai xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 121/2017/HSPT ngày 22/8/2017 do có kháng cáo của bị cáo Vi Văn Q đối với bản án hình sự sơ thẩm số 40/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Bị cáo :

Họ và tên: **Vi Văn Q**, sinh năm 1991; Tên gọi khác: Q1; Sinh trú quán: Thôn G, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Bố đẻ: Vi Văn Y, sinh năm 1963; Mẹ đẻ: Dương Thị T, sinh năm 1964; Có vợ là Phan Thị H, sinh năm 1994; Có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương - có mặt tại phiên tòa.

Trong vụ án này còn có 75 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của VKSND huyện Lục Ngạn và bản án Hình sự sơ thẩm số 40/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 01/2008, Vi Văn Q sinh năm 1991, trú tại Thôn G, xã L, huyện S được Phan Văn C sinh năm 1978, trú tại thôn T, xã P, huyện L đưa vượt biên giới trái phép qua khu vực gần cửa khẩu M, tỉnh Quảng Ninh sang Trung Quốc làm thuê tại một số công ty ở xã T2, huyện S, tỉnh Q. Đến cuối năm 2009, Q vượt biên trở về nhà, sau khi về Q đến nhà Phan Văn C chơi tết và được C bảo với Q đi tìm rủ người đi lao động cho C để C tổ chức đưa vượt biên sang Trung Quốc làm thuê, C sẽ chia cho Q tiền “vào chủ” (tiền chủ Công ty ở Trung Quốc trả công cho người đưa lao động vào công ty làm thuê) và không thu tiền phí đi lao động đối với Q, Q đồng ý. Từ đầu năm 2010 đến tháng 08/2012, Q đã 06 lần tìm rủ và đưa 79 lượt lao động tại một số xã trên địa bàn huyện L và huyện S, tỉnh Bắc Giang vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc làm thuê. Cụ thể như sau:

Chuyến thứ nhất: Đầu năm 2010, Vi Văn Q tìm rủ được 13 lao động gồm: Dương Thị T - sinh năm 1964; Vi Thị H1 - sinh năm 1995; Vi Văn B - sinh năm 1993; Vi Thị H2 - sinh năm 1996 đều ở thôn G, xã L, huyện S; Lục Thị H3 - sinh năm 1990; Lục Thị C1 - sinh năm 1990; Hoàng Văn M - sinh năm 1986 đều ở thôn Đ, xã L, huyện S; Vi Thị B1 - sinh năm 1993; Hoàng Thị C2 - sinh năm 1992; Hoàng Văn H4 - sinh năm 1991; Phan Văn H5 - sinh năm 1992 đều ở thôn G, xã Q, huyện S; Vi Thị C3 - sinh năm 1969; Hoàng Văn N - sinh năm 1989 đều ở thôn K, xã C, huyện S. Khi tìm rủ các lao động Q đều nói cho các lao động biết đi Trung Quốc bằng cách vượt biên trái phép, chi phí là 2.800.000đ/01 người và hẹn mọi người buổi chiều ngày 21/01/2010 ra cầu C, xã CĐ, huyện S sẽ có xe ô tô đón đi. Sau khi tìm rủ được 13 lao động trên Q điện báo cho Phan Văn C sắp xếp đưa sang Trung Quốc. Phan Văn C đã hướng dẫn Q thuê xe ô tô đưa lao động đến thị trấn L, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn, khi đến thị trấn L thì thuê Lý Thị P - sinh năm 1952, trú tại khu LĐ, thị trấn L, tỉnh Lạng Sơn đưa vượt biên sang khu A, Trung Quốc rồi thuê đối tượng tên là A1 là người Trung Quốc sống ở A đưa đi thành phố N, tỉnh Q, Trung Quốc và nhờ A1 đón xe khách giường nằm đưa đi tỉnh Q, C sẽ đón và đưa các lao động vào Công ty giấy dếp ở huyện SC, tỉnh Q, Trung Quốc làm thuê rồi C cho Q số điện thoại của P và A1 để liên hệ.

Khoảng 16 giờ ngày 21/01/2010 âm lịch (ngày 06/3/2010 dương lịch), Q thuê 01 xe ô tô (hiện không nhớ của ai) đến cầu C, huyện S đón các lao động đi. Khi các lao động lên xe Q thu của 13 lao động được tổng số tiền là 11.000.000 đồng, Q trả tiền xe ô tô cho Q và 13 lao động hết 1.400.000 đồng. Sau khi đến thị trấn L, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn, Q thuê Lý Thị P đưa Q và 13 lao động vượt biên giới theo đường mòn thuộc khu vực cửa khẩu CM, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn sang A, Trung Quốc hết 100.000đồng/01 người. Tổng cộng Q trả cho P hết 1.400.000 đồng. Đến A, Trung Quốc, Q liên hệ với A1 để A1 đưa Q và các lao động đi M, tỉnh T, Trung quốc với giá 100/NDT (nhân dân tệ)/01 người, Q trả cho A1 tổng cộng 1.400NDT, tương đương với 3.920.000đồng (theo giá quy đổi đầu năm 2010, 01NDT = 2.800VNĐ). Khi A1 đưa Q và 13 lao động đến đường cao tốc thành phố

M thì A1 đón xe khách giường nằm đưa Q và 13 lao động đi hết 01 ngày 01 đêm thì đến huyện SC, tỉnh Q, Trung Quốc. Sau khi đến SC, Q điện cho Phan Văn C ra đón Q và 13 lao động rồi đưa vào làm việc tại một Công ty sản xuất giày dép ở huyện SC, tỉnh Q, Trung Quốc. Đối với số tiền Q thu của 13 lao động được 11.000.000đồng, Q đã chi hết 6.720.000đồng chi phí đi lại, còn 4.280.000đồng, khi sang đến Trung Quốc, Q đổi ra được 1.490NDT, Q đưa cho C để trả cho A1 tiền vé xe giường nằm cho Q và các lao động đi từ thành phố Ninh Minh đến tỉnh Q. Khi các lao động vào làm việc thì C là người quản lý toàn bộ số lao động và bố trí cho Q làm phiên dịch và hướng dẫn mọi người làm thuê. Đến giữa tháng 02/2010 (âm lịch), khi các lao động nhận được tháng lương đầu tiên thì C bảo Q thu số tiền phí đi của các lao động nộp còn thiếu mỗi người 600NDT, riêng bà Dương Thị T và chị Vi Thị H1 (là mẹ đẻ và em gái Q) khi đi chưa nộp phí, C bảo Q thu 900/NDT/01 người. Tổng cộng Q thu được 8.400NDT rồi đưa hết cho C, C chuyển trả toàn bộ số tiền 8.400NDT cho A1 tiền vé xe khách giường nằm cho các lao động đi từ M đến Q. Số lao động trên làm thuê tại công ty được 10 tháng, mỗi tháng chủ Công ty trả cho C 780NDT tiền "vào chủ", C chia cho Q 390NDT/01 tháng. Tổng 10 tháng, Q được hưởng 3.900NDT, Q đổi ra tiền Việt Nam được 11.310.000đồng. Đến cuối năm 2010 khi các lao động chuyển bị về nước thì C bảo Q thu của mỗi lao động 800NDT tiền phí đi về, Q thu được tổng số 11.400NDT và đưa hết cho C để C bố trí xe ô tô đưa Q và các lao động về A sau đó Q và các lao động tự vượt biên giới về nước. Tổng cộng chuyến này Q được hưởng lợi 11.310.000đồng.

Chuyến thứ 2: Đầu năm 2011, Q tìm rủ được 18 lao động gồm: Nguyễn Văn S - sinh năm 1987; Nguyễn Văn L - sinh năm 1988; Vi Văn H6 - sinh năm 1992 đều ở thôn B, xã Đ, huyện L; Đặng Văn L1 - sinh năm 1986; Hứa Thị H - sinh năm 1988; Hoàng Thị L2 - sinh năm 1984; Phan Văn T1 - sinh năm 1993 đều ở thôn T, xã Đ, huyện L; Chu Văn T2 - sinh năm 1994 ở thôn C, xã Q, huyện S; Hoàng Văn T3 - sinh năm 1985; Lãng Văn T4 - sinh năm 1995; Hoàng Văn Đ - sinh năm 1991; Lâm Văn T5 - sinh năm 1986; Lục Văn H8 - sinh năm 1988; Hoàng Văn C4 - sinh năm 1991; Hoàng Văn Đ1 - sinh năm 1993; Lục Thị S1 - sinh năm 1973; Lục Thị H9 - sinh năm 1987 đều ở thôn Đ, xã L, huyện S và 01 thanh niên tên là T6 không xác định được địa chỉ. Sau khi tìm rủ được 18 lao động Q hẹn các lao động ngày 16/01/2011 âm lịch ra ngã ba phố B, xã Đ, huyện L để Q bố trí đưa đi, chi phí đi hết 3.000.000đồng/01 người, nộp trước 1.000.000đồng/01 người. Q liên hệ thuê xe ô tô của anh Nguyễn Văn T7 - sinh năm 1974 ở phố B, xã Đ, huyện L hết 2.500.000đồng. Sau đó Q điện báo cho Phan Văn C để đưa các lao động sang Trung Quốc làm thuê và được C cho biết C chưa tìm được việc làm cho các lao động do vậy Q một mình vượt biên giới sang Trung Quốc trước để tìm việc làm cho các lao động.

Giữa tháng 01/2011 (âm lịch), Phan Thị T8 - sinh năm 1983 ở thôn T, xã P, huyện L là em gái của Phan Văn C cùng với chồng là Nguyễn Văn D (tên gọi khác là T9) - sinh năm 1986 ở Đội 2, xã HT, huyện H, tỉnh Nam Định về nhà bố mẹ đẻ của T8 ở thôn T, xã P, huyện L chơi. Do vào năm 2008 vợ chồng T8 có làm thuê cùng với Q ở bên Trung Quốc và quen biết Q nên T8 điện thoại cho Q hỏi đường đi sang chỗ Q làm ở bên Trung Quốc đi theo đường qua khu vực cửa khẩu Chi Ma và được Q cho biết Q đã sang Trung Quốc trước để tìm việc làm cho các lao động. Q còn cho T8 biết Q đã tìm và rủ được 18 lao động hẹn đến ngày 16/01/2011 (âm lịch) sẽ đi. Sau đó Q nhờ T8 đưa số lao động đến thị trấn L, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn và dặn T8 thuê Lý Thị P đưa vượt biên sang A, Trung Quốc sau đó liên hệ với A1 đưa các lao động đi Ninh Minh và nhờ A1 đón xe khách giường nằm cho các lao động đến huyện SC, tỉnh Q, Trung Quốc rồi Q sẽ đón và đưa đi làm thuê. T8 đồng ý và được Q cho số điện thoại của Nguyễn Văn T7 là chủ xe ô tô ở phố B, xã Đ, số điện thoại của Lý Thị P và A1 để liên hệ.

Ngày 16/01/2011 âm lịch (ngày 18/02/2011 dương lịch) Phan Thị T8 cùng chồng và 18 lao động đi xe ô tô của Nguyễn Văn T7 từ phố B, xã Đ, huyện L đến nhà Lý Thị P ở khu Công Nhân, thị trấn L, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn sau đó nhờ P đưa vượt biên giới theo đường mòn thuộc khu vực cửa khẩu CM, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn sang A, Trung Quốc. Đến A, T8 liên hệ với A1 để A1 đưa vợ chồng T8 cùng 18 lao động đến Ninh Minh, sau đó A1 đón xe ô tô giường nằm đưa đến tỉnh Q, Trung Quốc. Khi vợ chồng T8 cùng 18 lao động đến tỉnh Q, Trung Quốc thì được Phan Văn C và Q đón rồi đưa vào một Công ty sản xuất giày dép ở huyện SC, tỉnh Q, Trung Quốc do Phan Văn C quản lý, còn Q làm phiên dịch và hướng dẫn mọi người làm thuê. Tiền chi phí đi của các lao động T8 thu được 18.000.000đồng, T8 chi hết 4.500.000đồng (gồm: tiền thuê xe ô tô đi từ xã Đ, huyện L đến thị trấn L, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn hết 2.500.000đồng; tiền thuê Lý Thị P đưa vượt biên giới hết 2.000.000đồng, còn lại 13.500.000đồng, Q bảo T8 chuyển hết cho P sau đó Q nhờ P đổi sang tiền Trung Quốc được 4.650 NDT rồi Q nhờ P chuyển cho A1 toàn bộ số tiền trên để trả cho A1 tiền xe ô tô từ A đi Ninh Minh của vợ chồng T8 và 18 lao động hết 100 NDT/01 lao động, tổng hết 2.000NDT. Còn 2.650NDT là tiền Q trả cho A1 một phần tiền xe ô tô giường nằm đi từ Ninh Minh đến Q, số tiền còn lại khi các lao động được lương sẽ thu để trả cho A S. Khi các lao động làm việc mỗi tháng Phan Văn C được chủ công ty trả cho 780NDT tiền "vào chủ", C chi cho Q 330NDT/01 tháng. Số lao động trên làm thuê tại công ty được 10 tháng, tổng Q được C chia cho 3.300NDT, Q đổi ra tiền Việt Nam được 9.900.000đồng. Đến tháng 12/2011, Q thu của mỗi lao động 800NDT, tổng thu của A1 8 lao động được 14.400NDT, sau đó Q đưa lại cho C, C mua vé xe ô tô đưa các lao động về A rồi liên hệ với Lý Thị P đưa các lao động vượt biên giới về Việt Nam. Tổng cộng chuyến này Q được hưởng lợi 9.900.000đồng.

Chuyến thứ 3: Đầu năm 2011, Q bàn với anh trai là Vi Văn Đ1 - sinh năm 1987 ở Thôn G, xã L, huyện S, tìm rủ lao động để Q đưa vượt biên sang Trung Quốc làm thuê, Q sẽ chia cho Đ1 tiền “vào chủ”. Đ1 đồng ý và tìm rủ được 08 lao động gồm: Vi Văn C5 - sinh năm 1992; Vi Thị K- sinh năm 1969; Vi Thị H10 - sinh năm 1982; Vi Thị T10 - sinh năm 1985; Bùi Hữu L3 - sinh năm 1992; Vi Văn H11 - sinh năm 1985; Vi Thị S2- sinh năm 1966; Vi Thị H12 - sinh năm 1987 đều ở Thôn G, xã L, huyện S. Sau khi tìm rủ được 08 lao động trên, Đ1 gọi điện báo cho Q sắp xếp đưa đi. Do lúc đó Q đang ở bên Trung Quốc và Q được biết Phan Văn S3 - sinh năm 1987 ở thôn K, xã P, huyện L (là anh trai vợ Q) đang chuẩn bị đi Trung Quốc làm thuê nên đã nhờ S3 đưa 08 lao động sang A, Trung Quốc rồi liên hệ với A1 đưa đi Ninh Minh và nhờ A1 đón xe cho các lao động đi huyện SC, tỉnh Q để Q đón ở đó, S3 đồng ý. Sau đó Q bảo Đ1 thu trước của mỗi lao động 500.000đồng và liên hệ nhờ S3 đưa sang Trung Quốc giúp Q.

Ngày 19/01/2011 âm lịch (ngày 21/02/2011 dương lịch), S3 bố trí xe ô tô và hẹn Đ1 tập trung các lao động tại ngã ba cây xăng phố B, xã Đ, huyện L để S3 đưa đi. Đ1 thu của 08 lao động mỗi người từ 500.000đồng đến 1.000.000đồng, được tổng số 4.000.000đồng, những người còn thiếu khi sang Trung Quốc làm Q sẽ thu sau và Đ1 đưa lại cho S3 để chi phí đi lại. Sau khi S3 đưa 08 lao động đến cửa khẩu CM, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn rồi cùng các lao động vượt biên giới sang Trung Quốc. Khi sang đến A, Trung Quốc, S3 liên hệ với A1 để A1 đưa đi Ninh Minh rồi đón xe khách giường nằm đi đến huyện SC, tỉnh Q, Trung Quốc và được Q đón ở đó và đưa các lao động vào làm thuê tại một xưởng sản xuất giày dép. Q khai tiền chi phí đi lại Đ1 đưa cho S3 4.000.000đồng, S3 chi vào việc thuê xe và đón xe ô tô cho các lao động đi Ninh Minh không đủ nên S3 phải bỏ tiền của S3 để bù là 680.000đồng. Tuy nhiên do thời điểm đó Q đang yêu em gái của S3 là Phan Thị H13 nên S3 đã cho Q số tiền đó. Sau khi các lao động nhận lương, Q đã thu tiền chi phí đi của các lao động còn thiếu mỗi lao động 800NDT, tổng được 6.400NDT, Q đưa lại cho Phan Văn C để C trả cho A1 tiền vé xe khách giường nằm cho các lao động đi từ Ninh Minh đến huyện SC, tỉnh Q còn thiếu. Do số lao động lần này ít người nên Phan Văn C để Q tự lấy tiền “vào chủ”. Do làm tại công ty vất vả nên đến tháng 04/2011 thì có một số lao động xin về trước, Q thu của mỗi lao động 600 NDT rồi mua vé xe ô tô cho các lao động về. Số lao động còn lại làm thuê tại công ty được 10 tháng, mỗi tháng Q được chủ Công ty trả cho 265NDT tiền “vào chủ”, tổng 10 tháng Q được hưởng 2.650NDT, Q đổi ra tiền Việt Nam được 7.950.000đồng. Đến cuối năm 2011, Q thu của mỗi lao động 900NDT, tổng thu được 7.200NDT rồi đưa hết cho Phan Văn C để C thuê xe ô tô đưa các lao động về A rồi thuê Lý Thị P đưa vượt biên giới về Việt Nam. Tổng cộng chuyến này Q được hưởng lợi 7.950.000đồng.

Chuyến thứ 4: Cuối tháng 01/2011 (âm lịch), Vi Văn Đ1 tìm rủ được 11 lao động gồm: Dương Thị T - sinh năm 1964; Vi Văn Đ2 - sinh năm 1990; Vi Văn L4

- sinh năm 1988 đều ở Thôn G, xã L, huyện S; Hoàng Văn Minh - sinh năm 1991; Triệu Thị P - sinh năm 1992; Chu Văn H14 - sinh năm 1988; Lâm Thị T11 - sinh năm 1989; Lý Văn H15 - sinh năm 1990 đều ở thôn Đ, xã L, huyện S; Nguyễn Văn Đ3 - sinh năm 1990; Hoàng Văn P1 - sinh năm 1983 đều ở thôn M, xã P, huyện S và Dương Văn Đ4 - sinh năm 1992 ở thôn G, xã Đ, huyện S. Khi tìm rủ được 11 lao động trên, Đ1 điện cho Q để bố trí đưa vượt biên giới sang Trung Quốc làm thuê. Q bảo Đ1 liên hệ thuê xe ô tô đưa các lao động đến cửa khẩu CM, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn, Q sẽ về đón và bố trí người đưa biên. Ngày 28/01/2011 âm lịch (ngày 02/3/2011 dương lịch), Đ1 thu của 11 lao động được 5.000.000đ rồi thuê xe ô tô đưa 11 lao động đến khu vực cửa khẩu Chi Ma hết 1.500.000đ. Do Được không biết đường nên Q đón xe ô tô từ Q quay về A, Trung Quốc rồi thuê một người phụ nữ người Trung Quốc về khu vực cửa khẩu Chi Ma đón Đ1 cùng 11 lao động vượt biên giới sang Trung Quốc hết 100.000đ/01 người, tổng Q trả cho người phụ nữ trên hết 1.200.000đ. Khi sang đến A, Trung Quốc, Q liên hệ với A1 để A1 đưa Q, Được và 11 lao động đi Ninh Minh sau đó nhờ A1 đón xe khách giường nằm cho Q, Được và 11 lao động đi tỉnh Q. Khi đến tỉnh Q Q đưa Đ1 và 11 lao động vào làm tại công ty sản xuất giày dép ở huyện SC, tỉnh Q do Q quản lý. Số tiền Đ1 thu của A1 11 lao động được 5.000.000đồng, Đ1 trả tiền thuê xe ô tô đến cửa khẩu Chi Ma hết 1.500.000đồng, còn lại 3.500.000đồng Đ1 đưa cho Q. Q trả tiền thuê người phụ nữ đưa biên hết 1.200.000đồng, còn lại 2.300.000đồng, Q đổi ra tiền Trung Quốc được 766NDT, sau đó Q đưa lại cho Phan Văn C, C giữ lại để trả cho A1 tiền xe ô tô giường nằm cho các lao động. Do số lao động trên ít nên C cho Q tự quản lý và lấy tiền "vào chủ". Những lao động trên làm đến tháng 5/2011 thì Hoàng Văn Minh và Triệu Thị Phương xin về trước, Q có thu của mỗi người 700NDT rồi mua vé xe ô tô cho 02 người về. Đến tháng 08/2011, do làm ở công ty lương thấp nên Vi Văn Diệp cũng bảo Q mua vé xe ô tô cho về. Số lao động còn lại làm tại công ty được 10 tháng, Q được chủ công ty trả cho 5.500NDT/10 tháng tiền vào chủ, Q đổi ra tiền Việt Nam được 16.500.000đồng. Đến cuối năm 2011, Phan Văn C bảo Q thu của mỗi lao động 900NDT sau đó Q chuyển lại cho C để C thuê xe ô tô đưa các lao động còn lại về A rồi thuê Lý Thị P đưa các lao động vượt biên giới về nước. Tổng cộng chuyến này Q được hưởng lợi 16.500.000đồng. Cuối năm 2011 khi Q từ Trung Quốc về nhà, Q trả cho Đ1 22.000.000đồng tiền công tìm rủ lao động của 02 chuyến (chuyến 03 và chuyến 04). Sau khi chia cho Được 22.000.000đồng, Q còn được hưởng 2.450.000đồng của chuyến thứ 3 và thứ 4.

Chuyến thứ 5: Đầu năm 2012, Q bàn với Hà Văn T12 - sinh năm 1987 ở thôn B, xã Đ, huyện L (T16 là em chồng của cô ruột Q), tìm rủ lao động cho Q đưa vượt biên giới sang Trung Quốc làm thuê, Q sẽ chia cho T16 50NDT/01 lao động/01 tháng. T12 đồng ý và tìm rủ được 16 lao động gồm: Dương Thị V - sinh năm 1972; Hứa Thị Đ5 - sinh năm 1991; Vi Văn B2 - sinh năm 1990; Hoàng Thị H16 - sinh năm 1996; Vi Thị T13 - sinh năm 1998; Hoàng Thị B3 - sinh năm

1994; Hoàng Thị N1 - sinh năm 1993; Hà Thị T14 - sinh năm 1983; Lục Văn T15 - sinh năm 1984; Cao Thị M- sinh năm 1987 đều ở thôn B, xã Đ, huyện L; Dương Văn K1 - sinh năm 1976; Lý Thị T16 - sinh năm 1987 đều ở thôn M, xã Đ, huyện L; Hoàng Thị Tr - sinh năm 1993; Hoàng Thị L5 - sinh năm 1992; Vi Thị Đ5 - sinh năm 1993 đều ở thôn T, xã Đ, huyện L và Lăng Thị Đ6 - sinh năm 1993 ở thôn H, xã T, huyện L. T16 thu của mỗi lao động 200.000đ rồi điện báo cho Q sắp xếp đưa đi. Trong thời gian này Vi Văn Đ1 cũng tìm rủ được 06 lao động gồm: Nông Văn C6 - sinh năm 1989; Tàng Thị V - sinh năm 1993; Vi Văn T17 - sinh năm 1995 đều ở thôn K1, xã Q, huyện S; Nguyễn Văn Đ7 - sinh năm 1990; Lãnh Văn H17 - sinh năm 1992; Lãnh Văn G - sinh năm 1993 đều ở thôn M, xã P, huyện S. Sau khi tìm rủ được 06 lao động trên Đ1 gọi điện cho Q để đưa đi vượt biên giới sang Trung Quốc làm thuê, Q bảo Đ1 liên hệ với T16 để đưa 16 lao động do T16 tìm rủ được đi cùng và đi qua khu vực cửa khẩu M, LB, Lạng Sơn rồi thuê Ngô Văn D - sinh năm 1977 ở thôn M, xã Y, huyện LB, tỉnh Lạng Sơn (là người quen của Q) đưa vượt biên sang A, Trung Quốc rồi thuê A1 đưa đi Ninh Minh và nhờ A1 đón xe khách giường nằm đi Q, Q và Phan Văn C sẽ đón đưa đi làm thuê, Q cho Đ1 số điện thoại của D để liên lạc. Ngày 23/01/2012 âm lịch (ngày 14/02/2012 dương lịch), Đ1 thu của 06 lao động được tổng số 3.000.000đồng, Đ1 thuê xe ô tô đưa 06 lao động do Đ1 tìm rủ và 16 lao động do Hà Văn T12 tìm rủ và cùng với T16 đi đến gần cửa khẩu Chi Ma. Đến nơi, Đ1 thuê Ngô Văn D đưa vượt biên giới hết 100.000đồng/01 người, Đ1 trả cho D 700.000đồng, T16 trả cho D 1.700.000đồng và được D đưa vượt biên giới sang Trung Quốc. Khi sang đến A, Đ1 thuê A1 đưa các lao động đi Ninh Minh sau đó đón xe khách giường nằm đi tỉnh Q. Khi đến Q, Q ra đón và đưa vào làm thuê tại xưởng sản xuất dép ở huyện SC, tỉnh Q, Trung Quốc. Số tiền Đ1 thu của 06 lao động, Đ1 chi cho việc thuê xe ô tô và thuê D đưa vượt biên hết 1.300.000đồng, số tiền còn lại 1.700.000đồng, Đ1 đưa lại cho Q, Q đổi ra tiền Trung Quốc được 540NDT rồi đưa lại cho Phan Văn C. Hà Văn T12 thu chi phí đi của 16 lao động, mỗi lao động 200.000đồng, được 3.200.000đồng, T16 trả tiền xe đi đến cửa khẩu Chi Ma hết 1.500.000đồng, trả tiền thuê D đưa vượt biên giới hết 1.700.000đồng. Do làm tại công ty vất vả, lương thấp nên đến tháng 3 và tháng 4 năm 2012 thì Hà Thị T18, Cao Thị M, Tàng Thị V, Nông Văn C5 xin về trước. Số lao động còn lại làm thuê tại công ty sản xuất giày dép do Q tự quản lý và lấy tiền “vào chủ”. Mỗi tháng Q được chủ công ty trả cho 490NDT tiền "vào chủ", các lao động làm tại công ty 10 tháng, Q được hưởng 4.900NDT, Q chia cho Hà Văn T12 1.500NDT, còn lại 3.400NDT, Q đổi ra tiền Việt Nam được 11.220.000đồng (theo giá quy đổi cuối năm 2012, 1NDT= 3.300đồng). Đến cuối năm 2012 Phan Văn C điện hỏi A1 tiền chi phí đưa các lao động về nước và được A1 cho biết chi phí là 900NDT/01 người, sau đó C bảo Q thu của mỗi lao động 900NDT, rồi đưa hết cho C để C chuyển cho A1 đưa các lao

động còn lại về A rồi vượt biên giới về nước. Chuyến này Q hưởng lợi 11.220.000đồng.

Chuyến thứ 6: Giữa tháng 08/2012 (âm lịch), Hoàng Văn Dg- sinh năm 1993 ở thôn ĐPc, xã K, huyện L là lao động được Hà Văn H18 - sinh năm 1995 ở thôn B, xã Đ, huyện L đưa vượt biên giới sang Trung Quốc làm thuê từ đầu năm 2012 và có quen biết Q ở bên Trung Quốc. Sau đó Dg về nhà có điện thoại nhờ Q đưa vượt biên giới sang Trung Quốc làm thuê thì Q bảo Dg hiện Q đang ở Trung Quốc và bảo Dg liên hệ với anh trai Q là Vi Văn Đ1 để Đ1 đưa đi, đồng thời Q bảo Dg rủ thêm người, còn nếu chỉ có một mình Dg thì Q sẽ không đưa đi. Sau đó Dg rủ thêm được Hoàng Văn H19 - sinh năm 1991, Hoàng Văn N3 - sinh năm 1995 đều ở xã T, huyện L; Chu Văn H20 - sinh năm 1995; Dương Văn Cg - sinh năm 1993 đều ở thôn ĐP, xã K, huyện L. Có 02 lao động là Vi Văn Ph - sinh năm 1994 ở thôn D, xã G, huyện L và 01 người tên là D8 (không rõ địa chỉ), biết Dg chuẩn bị đi Trung Quốc có điện hỏi Q xin đi, Q đồng ý và bảo liên hệ với Đ1 bảo Đ1 đưa đi.

Ngày 18/8/2012 âm lịch (ngày 03/10/2012 dương lịch) Đ1 thu của mỗi người 500.000đồng, tổng được 3.500.000đồng, sau đó Đ1 thuê xe ô tô đưa 07 người đến khu vực cửa khẩu M, LB, Lạng Sơn hết 1.000.000đồng. Khi đến khu vực cửa khẩu Chi Ma, Đ1 thuê Ngô Văn D đưa các lao động vượt biên giới sang A, Trung Quốc hết 100.000đồng/ 01 người. Do Q biết Phan Văn S3 lúc đó đang về chơi tại nhà người quen ở Ninh Minh, Trung Quốc nên Q điện nhờ S3 liên hệ với A1 để đưa các lao động đi Ninh Minh, còn Đ1 thì quay về nhà. Khi các lao động đến Ninh Minh thì gặp S3 ở đó, S3 nhờ A1 đón xe khách giường nằm cho các lao động đi từ Ninh Minh đến tỉnh Q. Khi các lao động đi đến tỉnh Q thì Q đón ở đó rồi đưa các lao động vào làm thuê tại xưởng sản xuất dép ở huyện SC, tỉnh Q, Trung Quốc. Số tiền Đ1 thu của các lao động được 3.500.000đồng quy đổi cuối năm 2012, 1NDT = 3.300đồng). Đến cuối năm 2012 khi các lao động chuẩn bị về nước Phan Văn C điện hỏi A1 tiền chi phí đưa các lao động về nước thì A1 cho biết chi phí là 900NDT/01 người, C bảo Q thu của mỗi lao động 900NDT, rồi đưa hết cho C để C chuyển cho A1 đưa các lao động về A rồi vượt biên giới về nước. Cuối năm 2012 khi về nhà Vi Văn Đ1 đưa lại cho Q số tiền 1.800.000đồng tiền Đ1 vẫn giữ lại khi đưa các lao động sang Trung Quốc, do ở bên Trung Quốc, Q đã chi tiêu hết số tiền "vào chủ" nên khi về Q chỉ đưa cho Đ1 số tiền 2.000.000đồng tiền "vào chủ" của chuyến thứ năm và chuyến thứ sáu. Tổng cộng 06 chuyến Vi Văn Q tổ chức đưa 79 lao động sang Trung Quốc làm thuê, Q được hưởng lợi số tiền 44.100.000đồng, số tiền này Q đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội Vi Văn Q đã bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 24/01/2017, Q đã đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 40/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Vi Văn Q phạm tội “ Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”.

□p dụng khoản 2 Điều 275; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Vi Văn Q 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, tiền án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/7/2017 bị cáo Vi Văn Q kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Vi Văn Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: án sơ thẩm xử nặng.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vi Văn Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Vi Văn Q làm trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

[2] Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sau khi xét hỏi tại phiên tòa, HĐXX thấy có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 06/3/2010 đến ngày 03/10/2012, Vi Văn Q, sinh năm 1991, trú tại thôn G, xã L, huyện S đã 06 lần tổ chức đưa 79 lượt người trên địa bàn các huyện L và huyện S của tỉnh Bắc Giang vượt biên trái phép sang Trung Quốc để lao động làm thuê. Tổng số tiền Vi Văn Q đã thu lợi được trong 06 lần tổ chức người khác trốn đi nước ngoài là 44.100.000 đồng.

Án sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan Điều tra đã thu thập có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm đã xét xử bị cáo Vi Văn Q về tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” theo khoản 2 Điều 275 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Vi Văn Q thấy: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 06 năm 03 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không

có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới so với cấp sơ thẩm nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vi Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 buộc bị cáo Vi Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điểm a, Khoản 2, Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vi Văn Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Vi Văn Q phạm tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”.

□p dụng khoản 2 Điều 275; điểm p khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự:

Xử phạt Vi Văn Q 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 bị cáo Vi Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 40/2017/HSST ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bạch Đăng Thi

